

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM-ST

Ngày: 09/9/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hương Lan
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy*: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST – KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST- KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN

Địa chỉ: Số 2 đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Ngọc L – Chức vụ: Giám Đốc và bà Nguyễn Thị Thu H – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp NN – Chi nhánh TL; Địa chỉ: PNT, phường KL, quận Đ Đ, Tp Hà Nội (Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N N)

(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH TP

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn D Đ, huyện TT, tỉnh Thái Bình; Địa điểm giao dịch: Số 1/466, T, NQ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Văn Đ – Chức vụ: Giám Đốc; Số CMND 171253186 cấp ngày 06/10/2009 tại Công an Thanh Hóa

(Người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH TP vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản gửi cho Tòa án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N N – Chi nhánh TL (sau đây gọi là Ngân hàng) và công ty TNHH TP (sau đây gọi là Công ty TP) có quan hệ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 3008/HĐTD/TL-TP ngày 30/8/2010, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 23/5/2011; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PL-3008/HĐTD-TP/2011 ngày 01/10/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 03/PL-3008/HĐTD/TL-TP ngày 27/4/2012 với nội dung: Công ty TP vay vốn thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án mua tàu đóng mới, tàu chở hàng khô 7.200 tấn; Số tiền cho vay; 4,748,770,26USD; Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, 06 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất cho vay USD: Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6.2%/năm, thời điểm ký phụ lục hợp đồng: 5.0%, được áp dụng kê từ ngày 01/10/2011 đến hết ngày 30/4/2012; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, tính trên số nợ gốc phải trả; Thời hạn cho vay 9,6 năm (kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu là ngày 20/9/2010 đến ngày trả hết nợ (cả gốc và lãi) là ngày 25/10/2022, trong đó: Thời hạn ân hạn 1 năm, Thời hạn trả nợ gốc là 8,6 năm; Kỳ hạn trả nợ: Trong thời gian ân hạn trả lãi tối đa 03 tháng/01 lần; Trong thời gian hoạt động lãi và gốc trả tối đa là 03 tháng/lần; Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty TP đã thế chấp tàu DINAMIC OCEAN18 chở hàng khô 7.200 tấn, chủ sở hữu là Công ty TNHH TP; Giá trị tài sản định giá tại thời điểm vay vốn là (theo biên bản tạm xác định giá trị TSBĐ hình thành từ vốn vay ngày 30/8/2010 là 147.200.000.000 đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH TP đã không trả nợ gốc, nợ lãi đầy đủ, đúng hạn nên ngày 25/7/2012, Ngân hàng xác định vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Công ty TP yêu cầu trả nợ, Công ty TP cũng nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện đúng, đủ hết nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là tàu DINAMIC OCEAN18 bằng hình thức bán đấu ngày 05/7/2019 thu hồi nợ là 921.248,55USD. Ngân đã yêu cầu Công ty TP bổ sung thêm tài sản bảo đảm và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ nhưng công ty vẫn không thực hiện. Ngân hàng xác định, tính đến ngày 09/9/2021, số tiền Công ty Tiến Phong đã nhận giải ngân: 4.748.770,26 USD; Số tiền nợ gốc đã trả: 2.159.257,88 USD; Lãi trong hạn đã trả 674.155,75 USD, chưa trả lãi quá hạn. Ngân hàng khởi kiện đề nghị giải quyết buộc Công ty TP phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 09/9/2021 gồm: Nợ gốc: 2. 589.512,38 USD; Nợ lãi trong hạn: 1.497.784,60USD; Nợ lãi quá hạn: 192.546,74 USD, tổng là 4.279.843,71 USD.

Buộc công ty TNHH TP phải tiếp tục trả lãi phát sinh của khoản nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 09/9/2021 đến ngày thực tế Công ty TNHH TP trả hết nợ (theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng). Kể từ ngày bản án định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ nguồn thu nhập, tài sản nào khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH TP để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật theo quy định của Luật thi hành án.

- Đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền Công ty TNHH TP vắng mặt tại buổi làm việc nên không thu thập được ý kiến trình bày của công ty TP, không hòa giải được phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 688, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 147 BLTTDS, khoản 2, 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Công ty TNHH TP phải trả nợ cho Ngân hàng NN toàn bộ số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn cho đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Nợ gốc: 2.589.512,38 USD; Nợ lãi trong hạn: 1.497.784,60USD; Nợ lãi quá hạn: 192.546,74 USD, tổng là 4.279.843,71 USD và tiếp tục trả lãi phát sinh của khoản nợ gốc chưa thanh toán từ ngày xét xử đến ngày thực tế Công ty TNHH TP trả hết nợ (Theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng đã ký). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn đã nhận tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không rõ lý do trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN

[2.1]. Về tính hợp pháp của các hợp đồng tín dụng: Các bên tham gia giao kết hợp đồng tín dụng có đủ năng lực hành vi dân sự, người ký có thẩm quyền, tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; đều được hai bên thừa nhận và thực hiện, các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng về mức vay, mục đích sử dụng vốn, mức lãi suất trong hạn, quá hạn và các thỏa thuận khác không trái pháp luật về nội dung và hình thức. Xác định Hợp đồng tín dụng số 3008/HĐTD/TL-TP ngày 30/8/2010, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 23/5/2011; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PL-3008/HĐTD-TP/2011 ngày 01/10/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 03/PL-3008/HĐTD/TL-TP ngày 27/4/2012 giữa Ngân hàng NN – Chi nhánh TL và Công ty TNHH TP là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Nghĩa vụ trả nợ: Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TP vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, hai bên đã nhiều lần lập biên bản làm việc với nội dung Ngân hàng thông báo tình hình dư nợ cho Công ty TP, thông báo về khoản nợ lãi chưa thanh toán, kiểm tra về tình hình sử dụng vốn vay, việc thông báo này được thể hiện qua các biên bản làm việc ngày 12/11/2012; 20/12/2012; 01/01/2013; 22/02/2013; 13/6/2013; 09/8/2013; 08/10/2013; 15/3/2014; 22/3/2014; 15/9/2014; 31/10/2014; 15/01/2016; 14/7/2016; 07/12/2016; 08/8/2017; 19/12/2017; 22/6/2018. Công ty TP đều ký xác nhận nợ tại các biên bản này. Tiếp đó các biên bản làm việc 19/11/2018; 03/4/2019; 17/4/2019; 07/8/2019; 17/10/2019 công ty TP tiếp tục ký xác nhận dư nợ gốc và lãi và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản là tàu DINAMIC OCEAN18 để thu hồi nợ. Ngày 31/12/2019 đại diện theo pháp luật của Công ty Tiến Phong ký thư xác nhận số tiền vay theo các hợp đồng đã ký kết. Như vậy toàn bộ tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp đều thể hiện Công ty TP vi phạm nghĩa vụ theo các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các phụ lục của Hợp đồng và thừa nhận có nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng xác định Công ty TP vi phạm về nghĩa vụ trả nợ như đã trình bày là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng buộc Công ty TP phải trả cho Ngân hàng NN – Chi nhánh TL toàn bộ nợ theo hợp đồng tín dụng số 3008/HĐTD/TL-TP ngày 30/8/2010 và các phụ lục hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2021, tổng dư nợ của Công ty Tiến Phong gồm: Nợ gốc: 2.589.512,38 USD; Nợ lãi trong hạn: 1.497.784,60USD; Nợ lãi quá hạn: 192.546,74 USD Tổng là 4.279.843,71 USD và buộc công ty Tiến Phong phải tiếp tục trả lãi phát sinh của khoản nợ gốc chưa thanh toán từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày thực tế Công ty TNHH TP trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi (theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của NN được chấp nhận nên Công ty TP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tại thời điểm xét xử sơ

thẩm, tỷ giá mua USD được tính là 22,660 VNĐ/1USD. Giá trị tranh chấp tính thành tiền VNĐ là 96.981.258.469 VNĐ. Án phí được tính bằng 112.000.000 đồng + 0.1% giá trị có tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng = 204.981.258 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng NN

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 4 Điều 147; Điều 157, Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 688, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do NHNN ban hành; Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN

Buộc Công ty TNHH TP phải trả cho Ngân hàng NN – Chi nhánh TL nợ theo Hợp đồng 3008/HĐTD/TL-TP ngày 30/8/2010, phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 23/5/2011; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PL-3008/HĐTD-TP/2011 ngày 01/10/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 03/PL-3008/HĐTD/TL-TP ngày 27/4/2012, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2021) gồm:

Nợ gốc: 2. 589.512,38 USD;

Nợ lãi trong hạn: 1.497.784,60USD;

Nợ lãi quá hạn: 192.546,74 USD

Tổng là: 4.279.843,71 USD

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH TP phải tiếp tục chịu khoản lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp, trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH TP không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý nguồn thu nhập, tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH TP để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật theo quy định của Luật thi hành án. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH TP phải chịu 204.981.258 đồng án phí án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam 102.860.000 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002498 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

